

PHÁT HUY GIÁ TRỊ LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH ĐƯỜNG SÔNG Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Trần Thị Thủy¹

Tóm Tắt: Vùng Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) sở hữu hai tài nguyên đặc trưng là hệ thống làng nghề thủ công truyền thống dày đặc và mạng lưới sông ngòi trù phú. Sự cộng hưởng này tạo ra tiềm năng to lớn để phát triển du lịch đường sông mang bản sắc văn hóa độc đáo. Tuy nhiên, tiềm năng này vẫn chưa được khai thác hiệu quả do sự liên kết rời rạc và thiếu chiến lược đồng bộ. Bài viết này, dựa trên lý thuyết kinh tế di sản và du lịch bền vững, tập trung phân tích thực trạng, nhận diện các "điểm nghẽn" và đề xuất các giải pháp nhằm kết nối hiệu quả giá trị làng nghề với du lịch đường sông, góp phần tạo ra các giá trị kinh tế - xã hội bền vững cho Vùng ĐBSH.

Từ khóa: du lịch đường sông, làng nghề truyền thống, Vùng ĐBSH, kinh tế di sản, du lịch bền vững.

1. MỞ ĐẦU

Vùng ĐBSH, cái nôi của nền văn minh lúa nước Việt Nam, sở hữu hai tài nguyên đặc trưng là hệ thống làng nghề thủ công truyền thống phân bố dày đặc và mạng lưới sông ngòi trù phú với các chi nhánh phân lưu của hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình. Sự cộng hưởng giữa không gian văn hóa làng nghề và không gian giao thương, sinh thái ven sông tạo nên một tiềm năng to lớn để phát triển các sản phẩm du lịch đường sông mang bản sắc độc đáo.

Từ góc độ lý thuyết kinh tế di sản và phát triển du lịch bền vững, việc kết nối này không chỉ giúp đa dạng hóa sản phẩm du lịch mà còn góp phần bảo tồn di sản văn hoá và tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng làng nghề địa phương. Tuy nhiên, trên thực tế, tiềm năng này vẫn chưa được khai thác tương xứng. Sự liên kết giữa các làng nghề ven sông và hoạt động du lịch đường sông còn rời rạc, manh mún, thiếu chiến lược đồng bộ. Nhiều giá trị của làng nghề chưa được chuyển hóa thành sản phẩm du lịch hấp dẫn, khiến các “dòng chảy di sản” chưa thực sự được khơi thông để tạo ra giá trị kinh tế – xã hội bền vững.

Bài viết này tập trung phân tích thực trạng khai thác giá trị làng nghề thủ công truyền thống trong phát triển du lịch đường sông tại một số tuyến của sông Hồng, sông Đuống và sông Đáy. Qua đó, bài viết làm rõ những bất cập, hạn chế, đồng thời gợi mở các giải

¹ Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam

pháp nhằm nâng cao hiệu quả bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề gắn với việc xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù này.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận và khái niệm công cụ

2.1.1. Các khái niệm chính

Làng nghề truyền thống: Theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, ngày 12 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề truyền thống là làng nghề có ít nhất một nghề truyền thống đã xuất hiện tại địa phương trên 50 năm, tạo ra sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc và gắn với tên tuổi của nghệ nhân hoặc làng nghề. Làng được công nhận là làng nghề phải có tối thiểu 20% tổng số hộ tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn, hoạt động ổn định và đáp ứng điều kiện về môi trường.

Du lịch làng nghề: Là loại hình du lịch văn hóa hay du lịch cộng đồng, nơi du khách đến tham quan, tìm hiểu và trải nghiệm các hoạt động sản xuất, văn hóa tại các làng nghề. Tài nguyên du lịch chính là sản phẩm, quy trình sản xuất, tri thức bản địa và cảnh quan làng nghề. Hoạt động du lịch làng nghề bao gồm tham quan, trải nghiệm, mua sắm và tìm hiểu văn hóa địa phương.

Du lịch làng nghề đường sông: Là sự kết hợp giữa du lịch đường sông và du lịch làng nghề, trong đó dòng sông trở thành tuyến kết nối các làng nghề ven sông thành một sản phẩm du lịch tổng hợp. Đặc điểm khác biệt của loại hình này là lấy tuyến sông làm hành lang du lịch chính, mang lại trải nghiệm đa dạng và di động, đòi hỏi hạ tầng bến thuyền và dịch vụ ven sông đồng bộ.

2.1.2. Lý thuyết kinh tế di sản và du lịch bền vững

Lý thuyết kinh tế di sản xem các di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể) là một dạng "vốn văn hóa" (Pierre Bourdieu, 1986) có thể khai thác để phát triển kinh tế – xã hội (Throsby, 2001). Du lịch là cơ chế hiệu quả để chuyển hóa vốn văn hóa thành lợi ích kinh tế, tạo ra mô hình “bảo tồn động”, giúp cộng đồng có nguồn thu để tái đầu tư cho bảo tồn di sản (Graham et al., 2000).

Tuy nhiên, để tránh các tác động tiêu cực, việc khai thác giá trị di sản văn hóa (như di sản của làng nghề truyền thống) phải tuân thủ nguyên tắc phát triển bền vững, cân bằng giữa kinh tế, xã hội – văn hóa và môi trường (UNWTO, 2005). Lý thuyết du lịch bền vững nhấn mạnh sự tham gia chủ động của cộng đồng địa phương trong việc ra quyết định và hưởng lợi (Bramwell & Lane, 2011; Dangi & Jamal, 2016). Trong bối cảnh hiện nay, du khách có xu hướng ưu tiên trải nghiệm văn hóa chân thực thay vì tham quan đơn

thuần (Richards, 2018), do đó việc phát huy giá trị văn hóa phi vật thể như tri thức, kỹ năng, câu chuyện của nghệ nhân sẽ tạo ra lợi thế cạnh tranh độc đáo.

Lý thuyết kinh tế di sản giúp phân tích giá trị kinh tế và phi kinh tế của di sản làng nghề, coi đó là nguồn lực tạo sinh lợi lâu dài. Lý thuyết vốn văn hóa giải thích cách tri thức bản địa, kỹ năng nghề truyền thống và tập quán cộng đồng trở thành nguồn lực đặc thù trong phát triển sản phẩm du lịch. Việc kết hợp hai lý thuyết này tạo nền tảng để lý giải vai trò của di sản làng nghề trong phát triển du lịch đường sông một cách bền vững.

Khung phân tích của nghiên cứu tập trung vào năm biến số chính: vốn văn hóa (di sản làng nghề, tri thức bản địa...), vốn xã hội (mạng lưới cộng đồng, sự hợp tác giữa các bên...), hạ tầng và dịch vụ du lịch, cơ chế chính sách - quản trị, cùng với thị trường khách du lịch. Trên cơ sở đó, nghiên cứu phân tích tác động của vốn văn hóa đến khả năng hình thành sản phẩm du lịch đặc thù, đồng thời đánh giá mức độ phối hợp giữa Nhà nước – doanh nghiệp – cộng đồng trong phát triển du lịch đường sông. Việc phân tích này cho phép nhận diện các điểm nghẽn, khoảng trống chính sách và đề xuất giải pháp phù hợp nhằm phát huy tối đa giá trị làng nghề cho phát triển du lịch bền vững.

2.2. Tiềm năng và các giá trị của làng nghề truyền thống vùng ĐBSH trong phát triển du lịch đường sông

Vùng ĐBSH là một trong những trung tâm nghề truyền thống lâu đời nhất Việt Nam. Cả nước có hơn 5.400 làng nghề, riêng Vùng ĐBSH chiếm khoảng 1.500 làng. Trong đó, có khoảng 300 làng được công nhận là làng nghề truyền thống với nhiều nghề có lịch sử hàng trăm năm. Theo các nghiên cứu của Pierre Gourou (1934), Phan Gia Bền (1957), các làng nghề phân bố đậm đặc dọc hai bên bờ của 5 con sông lớn: sông Hồng, sông Đuống, sông Đáy, sông Luộc và sông Cầu.

Vị trí địa lý này, kết hợp với thị trường du lịch lớn nhất cả nước (năm 2024, Hà Nội đón 24 triệu lượt khách, Quảng Ninh đón 15,5 triệu lượt khách...), tạo điều kiện lý tưởng để phát triển du lịch làng nghề đường sông. Các giá trị cốt lõi của làng nghề có thể khai thác bao gồm:

Giá trị lịch sử: Làng nghề là không gian lưu giữ ký ức cộng đồng và lịch sử giao thương đường sông, nơi bảo tồn dấu tích các phường hội, thương cảng cổ và tín ngưỡng thờ tổ nghề. Việc kết nối các điểm này bằng đường sông sẽ tạo ra hành trình khám phá chiều sâu lịch sử - văn hóa của Vùng ĐBSH.

Giá trị văn hóa: Các làng nghề là những “bảo tàng sống” về văn hóa vật thể và phi vật thể, từ kiến trúc, di tích đến lễ hội, nghệ thuật dân gian, ẩm thực và tri thức bản địa. Phát huy giá trị này cho phép tạo ra các sản phẩm du lịch trải nghiệm sâu sắc như lưu trú tại nhà nghệ nhân, tham gia lễ hội cộng đồng.

Giá trị nghệ thuật: Sản phẩm thủ công của Vùng ĐBSH rất đa dạng, tinh xảo và mang tính thẩm mỹ cao. Việc tổ chức các buổi trình diễn, workshop sáng tạo hay triển lãm ven sông sẽ biến hành trình du lịch thành không gian nghệ thuật hấp dẫn, đáp ứng xu hướng du lịch sáng tạo.

Giá trị kinh tế: Các làng nghề tạo ra lợi ích trực tiếp từ việc bán sản phẩm thủ công và gián tiếp từ các dịch vụ du lịch trải nghiệm (nặn gốm, dệt lụa, in tranh...). Việc kết nối nhiều làng nghề trên một tuyến sông sẽ tạo ra chuỗi giá trị, mang lại sinh kế bền vững hơn cho người dân.

Giá trị khoa học và giáo dục: Làng nghề là “kho tư liệu sống” về tri thức dân gian và kỹ thuật truyền thống. Nhiều làng nghề đã phát huy giá trị này để tổ chức các tour học tập, khóa học trải nghiệm theo mô hình giáo dục STEM, biến làng nghề thành các “living museum” (bảo tàng sống).

Giá trị xã hội: Nghề thủ công là cầu nối liên thế hệ, giúp tăng cường gắn kết cộng đồng thông qua hoạt động truyền nghề và các lễ hội giỗ tổ nghề. Du lịch có thể lồng ghép các hoạt động trách nhiệm xã hội, khuyến khích du khách tham gia vào việc bảo tồn di sản.

Giá trị cảnh quan: Hầu hết các làng nghề đều gắn với hệ sinh thái đồng bằng châu thổ ven sông. Du lịch đường sông mở ra góc nhìn mới, cho phép du khách chiêm ngưỡng cảnh quan làng xóm, đồng ruộng, công trình kiến trúc đặc trưng... từ trên du thuyền, mang lại trải nghiệm thư thái và lãng mạn.

2.3. Thực trạng phát huy giá trị làng nghề truyền thống trong phát triển du lịch đường sông vùng đồng bằng sông Hồng

Trong nhiều trăm năm, các dòng sông thuộc hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình của Vùng ĐBSH là “mạch máu kinh tế – văn hoá” nuôi dưỡng, lan tỏa và phát triển nghề thủ công truyền thống. Chúng cung cấp nguyên liệu, hạ tầng giao thông và là không gian giao lưu văn hoá của các cộng đồng làng nghề với các cộng đồng khác của Vùng đồng bằng sông Hồng.

Mặc dù hiện nay, vai trò vận tải hàng hoá và giao thương của các dòng sông đối với phát triển làng nghề có phần thay đổi do bị cạnh tranh bởi mạng lưới giao thông đường bộ và chế độ dòng chảy thay đổi. Nhưng không vì thế mà tiềm năng lợi thế của các dòng sông mất đi. Việc đầu tư khai thác phát triển du lịch đường sông đã và đang mở ra cơ hội mới về phát triển du lịch văn hoá - làng nghề, gắn làng nghề với chiến lược phát triển bền vững di sản văn hoá và hoạt động kinh tế sáng tạo của các tỉnh, thành phố có các dòng sông chảy qua.

Năm 2023 và 2024, Viện Văn hoá, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam triển khai nhiệm vụ nghiên cứu khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động khai thác giá trị của

các làng nghề thủ công truyền thống trong phát triển du lịch đường sông ở Vùng ĐBSH. Nhóm nghiên cứu của Viện Văn hoá, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam đã tổ chức nhiều đợt điền dã, điều tra, phỏng vấn, thảo luận với người dân và khách du lịch đến tham quan một số làng nghề thủ công truyền thống nổi tiếng nằm ven sông Hồng, sông Đuống và sông Đáy. Trên tuyến sông Hồng, nhóm nghiên cứu đã khảo sát tại các làng nghề như làng gốm Bát Tràng, đan lát mây tre Ninh Sở, làm giấy Yên Thái, đúc đồng Ngũ Xã, sơn mài Hạ Thái, dát vàng Kiêu Ky, nặn tò he Xuân La, gỗ mỹ nghệ Tân Dân... (của thành phố Hà Nội); làm trống Đọi Tam, dệt lụa Nha Xá, làm mộc Mai Xá (của tỉnh Ninh Bình). Các làng nghề trên tuyến sông Đuống có làng làm tranh Đông Hồ, đan tre, mây Xuân Lai, gốm Phù Lãng, gỗ mỹ nghệ Đồng Kỵ, đúc đồng Đại Bái (của tỉnh Bắc Ninh). Và các làng nghề trên tuyến sông Đáy được khảo sát có làng dệt lụa Vạn Phúc, làm nón Chuông, mây tre đan Phú Vinh, làm quạt giấy Chàng Sơn, dệt lụa Phùng Xá, rói cặn Tê Tiêu (của thành phố Hà Nội), làng chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân, thêu ren Văn Lâm, thêu ren Thanh Hà, chạm khắc gỗ La Xuyên, đúc đồng Tống Xá, một số làm cỏi, bèo ở huyện Kim Sơn cũ (của tỉnh Ninh Bình)...

Kết quả nghiên cứu cho thấy, chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng địa phương của Vùng ĐBSH đã có những nỗ lực đáng kể trong việc phát huy giá trị làng nghề cho du lịch đường sông, đặc biệt trên một số đoạn tuyến sông Hồng và sông Đuống. Các hoạt động này đã góp phần thúc đẩy sự hình thành sản phẩm du lịch mới cho thị trường du lịch của khu vực.

2.3.1. Những kết quả đạt được

Thời gian qua, dựa trên các chính sách khuyến khích từ cấp trung ương đến địa phương, việc phát huy giá trị văn hóa làng nghề gắn với phát triển du lịch đã đạt được những thành tựu nhất định. Các địa phương đã tăng cường đầu tư vào công tác bảo tồn, phục dựng các di sản văn hóa làng nghề và có chính sách khuyến khích doanh nghiệp, cộng đồng cùng tham gia phát triển du lịch đường sông. Những nỗ lực này đã góp phần tạo nên một số kết quả tích cực, bao gồm:

2.3.1.1. Cơ chế, chính sách hỗ trợ bảo tồn và khai thác giá trị làng nghề gắn với phát triển du lịch

Từ năm 2010 đến nay, Chính phủ và các địa phương như Hà Nội, Bắc Ninh, Ninh Bình, Hưng Yên đã ban hành nhiều đề án quy hoạch, chương trình và kế hoạch nhằm bảo tồn và phát triển làng nghề. Các văn bản này không chỉ xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề mà còn gắn kết chặt chẽ với phát triển du lịch, qua đó tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc đầu tư, khai thác tiềm năng làng nghề, đặc biệt trong phát triển du lịch đường sông. Song song với đó, nhiều chính sách hỗ trợ vốn, đất đai, đào tạo nhân lực và phát triển sản phẩm theo tiêu chuẩn OCOP (Chương trình Mỗi

xã một sản phẩm) đã được triển khai, góp phần nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm làng nghề. Việc tham gia OCOP giúp sản phẩm làng nghề được chuẩn hóa về chất lượng, có truy xuất nguồn gốc rõ ràng, gắn với thương hiệu địa phương và đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế. Đây đồng thời là giải pháp quan trọng để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, tri thức nghề truyền thống thông qua việc phát triển sản phẩm văn hóa - du lịch. Thực tiễn cho thấy, đa số các làng nghề ven sông Hồng, sông Đuống và sông Đáy hiện đã tham gia Chương trình OCOP, trong đó nhiều làng nghề đạt tiêu chuẩn từ 4 sao trở lên (5 sao là mức xếp hạng cao nhất, được coi là thương hiệu quốc gia). Tiêu biểu, làng lụa Vạn Phúc đã có 4 sản phẩm được công nhận đạt chuẩn 4 sao và 5 sao; làng gốm Bát Tràng có 2 sản phẩm được xếp hạng 5 sao, khẳng định uy tín thương hiệu trên thị trường.

2.3.1.2. Khai thác vốn văn hóa và vốn xã hội để phát triển du lịch làng nghề

Việc khai thác vốn văn hóa và giá trị làng nghề đã trở thành động lực quan trọng trong phát triển du lịch ở các làng nghề ven sông Hồng, sông Đáy và sông Đuống. Nhiều địa phương đã gắn kết di sản văn hóa phong phú như đình, đền, chùa, nhà cổ, sản phẩm thủ công, lễ hội, trò chơi dân gian và nghệ thuật diễn xướng với các hoạt động du lịch, qua đó quảng bá hiệu quả sản phẩm truyền thống. Tiêu biểu, các làng nghề như lụa Vạn Phúc, gốm Bát Tràng, mây tre đan Phú Vinh (Hà Nội); tranh Đông Hồ (Bắc Ninh); thêu ren Văn Lâm, đá mỹ nghệ Ninh Vân, trống Đọi Tam, chạm khắc gỗ La Xuyên, dệt lụa Cổ Chất (Ninh Bình)... đã hình thành điểm đến du lịch làng nghề, tổ chức lễ hội, không gian trình diễn nghề, tạo sức hấp dẫn đối với du khách và nâng cao thu nhập cộng đồng. Đặc biệt, việc xây dựng Bảo tàng gốm Bát Tràng hay Trung tâm bảo tồn di sản văn hóa tranh Đông Hồ đã góp phần giới thiệu lịch sử, nghệ thuật và giá trị tinh hoa của nghề truyền thống. Song song với đó, nhiều di tích thờ tổ nghề được tu bổ, các lễ hội nghề được phục dựng, nghề nhân được tôn vinh, và nhiều nghề truyền thống đã được ghi danh trong Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; đáng chú ý, năm 2013, nghề làm tranh dân gian Đông Hồ được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Cùng với vốn văn hóa, vốn xã hội (bao gồm mạng lưới cộng đồng, niềm tin, quy chuẩn chung và cơ chế hợp tác giữa người dân, chính quyền, doanh nghiệp và tổ chức xã hội) cũng giữ vai trò then chốt trong phát triển kinh tế du lịch làng nghề. Nhờ sự phối hợp này, nhiều làng nghề đã tổ chức thành công các chương trình trình diễn nghề, lễ hội, tour trải nghiệm và hoạt động quảng bá, qua đó nâng cao năng lực tiếp thị, mở rộng thị trường và gia tăng lợi ích kinh tế cho cộng đồng. Kết quả khảo sát cho thấy, các yếu tố vốn xã hội như lòng tin, tinh thần hợp tác và mạng lưới quan hệ tác động tích cực đến hiệu quả du lịch cộng đồng và thu nhập địa phương. Những mô hình hợp tác công – tư trong bảo tồn và phát huy di sản (như ở Bát Tràng, Đông Hồ, Văn Lâm), sự tham gia chủ động của

cộng đồng cùng các sự kiện quảng bá sản phẩm, tôn vinh nghề nhân (festival làng nghề, tuần lễ quảng bá nông sản, sản phẩm OCOP và làng nghề truyền thống) đã góp phần vừa bảo tồn di sản, vừa tạo nguồn thu nhập ổn định và bền vững cho cư dân làng nghề.

2.3.1.3. Đầu tư hạ tầng, dịch vụ và công nghệ cho phát triển du lịch làng nghề

Trong những năm gần đây, nhiều làng nghề ven sông Hồng, sông Đuống và sông Đáy đã được quan tâm đầu tư, nâng cấp hệ thống hạ tầng nhằm phục vụ phát triển du lịch. Trọng tâm là cải thiện giao thông kết nối giữa làng nghề với trung tâm đô thị và các tuyến du lịch đường sông, đồng thời triển khai các dự án xử lý ô nhiễm môi trường nhằm tạo không gian xanh, sạch, đẹp cho hoạt động tham quan. Cùng với đó, các thiết chế văn hóa - du lịch như trung tâm giới thiệu sản phẩm, bảo tàng làng nghề, trung tâm bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề đã được xây dựng tại Bát Tràng, Vạn Phúc, Đông Hồ..., góp phần tăng cường hoạt động trưng bày, quảng bá và nâng cao trải nghiệm của du khách.

Bên cạnh đầu tư hạ tầng, dịch vụ du lịch tại các làng nghề cũng có sự đổi mới đáng kể. Nhiều địa phương đã phát triển các tour học tập, trải nghiệm dành cho học sinh, sinh viên và khách du lịch, qua đó tạo điều kiện để thế hệ trẻ tìm hiểu văn hóa, lịch sử và tri thức nghề truyền thống. Một số làng nghề tiên phong ứng dụng công nghệ số như thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) và hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm (điển hình là gốm Bát Tràng), giúp gia tăng tính minh bạch, hấp dẫn và khả năng tiếp cận của sản phẩm trên thị trường trong nước và quốc tế. Đáng chú ý, mô hình làng nghề du lịch cộng đồng gắn với cảnh quan xanh ven sông đã được triển khai thử nghiệm ở một số khu vực gần Hà Nội và Bắc Ninh, mở ra hướng đi mới trong việc kết hợp phát triển kinh tế, bảo tồn làng nghề và bảo vệ môi trường sinh thái.

Những nỗ lực này không chỉ nâng cao chất lượng hạ tầng và dịch vụ, mà còn tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của du lịch làng nghề trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số hiện nay.

2.3.1.4. Thực trạng hình thành và khai thác các tuyến du lịch đường sông gắn với làng nghề ở Vùng ĐBSH

Trong những năm gần đây, một số địa phương đã bước đầu khai thác các tuyến du lịch đường sông nhằm kết nối tài nguyên tự nhiên với giá trị văn hóa làng nghề. Tiêu biểu là các tuyến tham quan bằng thuyền nhỏ, cự ly ngắn trên phụ lưu sông Đáy ở Ninh Bình và Hà Nội, như chùa Hương, Tam Cốc – Bích Động, Tràng An. Các tuyến này không chỉ nổi bật với cảnh quan sinh thái – tín ngưỡng đặc sắc mà còn kết nối hiệu quả với các làng nghề truyền thống lân cận, điển hình là thêu ren Văn Lâm và đá mỹ nghệ Ninh Vân. Dịch vụ du lịch tại đây chủ yếu do các hợp tác xã địa phương đảm nhiệm, mỗi năm thu hút

hàng trăm nghìn lượt khách, góp phần tạo sinh kế cho cộng đồng và lan tỏa giá trị văn hóa nghề truyền thống.

Ở loại hình du lịch đường sông với cự ly dài, hai đơn vị tiêu biểu hiện nay là Xí nghiệp Đầu tư và Phát triển Du lịch sông Hồng (Việt Nam) và Pandaw River Cruises (Vương quốc Anh). Xí nghiệp tập trung khai thác tuyến sông Hồng và sông Đuống, kết nối Hà Nội với các điểm đến như làng gốm Bát Tràng hay làng mây tre đan Ninh Sở, phục vụ khoảng 7.000 lượt khách/năm, phần lớn là khách nội địa, với chi phí trung bình khoảng 800.000 đồng/lượt. Tuy nhiên, lượng khách này mới chỉ chiếm chưa tới 0,05% tổng số khách du lịch đến với các làng nghề trong khu vực, phản ánh thực tế rằng sức hút của loại hình du lịch làng nghề đường sông còn khá hạn chế. Ngược lại, Pandaw River Cruises hướng tới phân khúc khách quốc tế có khả năng chi trả cao với sản phẩm tour du thuyền sang trọng kéo dài 10 đêm. Hành trình này kết nối ít nhất 5 làng nghề trên một hải trình dài qua các con sông lớn của đồng bằng sông Hồng (sông Cẩm, sông Kinh Thầy, sông Luộc, sông Hồng, sông Đáy...), tạo nên chuỗi trải nghiệm đa dạng cả về cảnh quan lẫn văn hóa thủ công truyền thống.

Mặc dù đã có những nỗ lực hình thành các sản phẩm du lịch đường sông gắn với làng nghề, song số lượng khách vẫn còn rất nhỏ so với tổng lượng khách du lịch làng nghề bằng đường bộ. Điều này cho thấy tiềm năng lớn nhưng chưa được khai thác đúng mức, đòi hỏi cần có giải pháp đồng bộ về quy hoạch tuyến, đầu tư hạ tầng bến bãi, đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao năng lực quảng bá để loại hình du lịch này phát huy hiệu quả trong tương lai.

2.3.2. Những hạn chế và "điểm nghẽn"

Bên cạnh những kết quả ban đầu, hoạt động phát huy giá trị các làng nghề thủ công truyền thống và phát triển du lịch đường sông còn bộc lộ nhiều hạn chế mang tính hệ thống, khiến tiềm năng chưa được khai thác tương xứng.

2.3.2.1 Quy hoạch và liên kết vùng

Hoạt động phát triển du lịch đường sông gắn với làng nghề hiện nay còn thiếu một quy hoạch tổng thể và cơ chế liên kết vùng hiệu quả. Phần lớn các kế hoạch mới dừng ở mức độ cục bộ của từng địa phương, chưa hình thành được một "hành lang du lịch" đường sông liên tỉnh kết nối Hà Nội – Bắc Ninh – Hưng Yên – Ninh Bình. Sự manh mún này khiến cho tiềm năng khai thác chưa tương xứng với lợi thế của hệ thống sông ngòi và mật độ làng nghề dày đặc trong khu vực.

2.3.2.2 Hạ tầng và an toàn giao thông thủy

Hệ thống bến bãi phục vụ du lịch đường sông hiện nay còn nhiều bất cập, vừa thiếu về số lượng vừa yếu về chất lượng, chưa đáp ứng được nhu cầu tiếp nhận các đoàn khách

lớn. Trên các tuyến sông Hồng, sông Đuống, sông Đáy... phần lớn vẫn chỉ tồn tại bến phà, bến đò ngang truyền thống, trong khi các bến tàu du lịch chuyên dụng gần như vắng bóng. Công tác đảm bảo an toàn giao thông thủy cũng chưa được quan tâm đúng mức, thể hiện ở tình trạng trang thiết bị cứu hộ thiếu thốn, quy trình kiểm định phương tiện chưa đồng bộ và năng lực quản lý còn hạn chế. Đáng chú ý, ngay tại thủ đô Hà Nội, nơi xuất phát của nhiều tour du lịch đường sông, các tàu của Xí nghiệp Đầu tư và Phát triển Du lịch Sông Hồng cũng như du thuyền Pandaw vẫn phải sử dụng bến tạm ở số 46 Chương Dương Độ. Khu vực này trong tình trạng nhếch nhác, mất vệ sinh và thiếu an toàn, nhưng lại được coi là bến chính trong hành trình tham quan các làng nghề ven sông Hồng, cho thấy sự bất cập trong quy hoạch và đầu tư hạ tầng du lịch đường thủy.

Nguyên nhân của tình trạng yếu kém trong hệ thống bến bãi du lịch đường sông trước hết xuất phát từ việc thiếu một quy hoạch tổng thể gắn kết phát triển du lịch với giao thông thủy nội địa. Nhiều địa phương còn ưu tiên sử dụng đất ven sông cho sản xuất công nghiệp, khai thác vật liệu xây dựng, dẫn đến thiếu quỹ đất cho bến tàu du lịch chuyên dụng. Việc đầu tư hạ tầng cũng còn manh mún, phân tán và chủ yếu dựa vào ngân sách địa phương, trong khi chưa thu hút được nhiều nguồn lực xã hội hóa. Ngoài ra, cơ chế phối hợp liên tỉnh trong quản lý và khai thác du lịch đường sông còn lỏng lẻo, chưa tạo ra “hành lang du lịch” thống nhất. Bên cạnh đó, công tác kiểm định, quản lý an toàn phương tiện thủy thiếu chặt chẽ và chưa đồng bộ với tiêu chuẩn quốc tế, khiến du lịch đường sông khó cạnh tranh với các loại hình du lịch khác.

2.3.2.3. Sản phẩm du lịch và trải nghiệm

Sản phẩm du lịch làng nghề đường sông hiện nay nhìn chung còn đơn điệu, chủ yếu tập trung vào tham quan và mua sắm, trong khi các hoạt động trải nghiệm mang tính tương tác và sáng tạo vẫn chưa được chú trọng. Các yếu tố văn hóa phi vật thể như lễ hội, dân ca, ẩm thực hay nghi thức nghề thủ công chưa được tích hợp đầy đủ trong tour tuyến, khiến trải nghiệm du lịch thiếu chiều sâu. Bên cạnh đó, sản phẩm lưu niệm tại nhiều làng nghề chưa được đổi mới về thiết kế, mẫu mã và câu chuyện văn hóa đi kèm, chưa đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường, đặc biệt là nhóm khách quốc tế có khả năng chi trả cao.

Nguyên nhân của thực trạng này xuất phát từ nhiều khía cạnh. Trước hết, tư duy khai thác du lịch ở nhiều làng nghề vẫn dừng lại ở mô hình “tham quan – mua sắm” truyền thống, chưa mạnh dạn phát triển các hình thức trải nghiệm như tham gia quy trình sản xuất thủ công, học nghề ngắn hạn hay thưởng thức trình diễn văn hóa. Thứ hai, sự phối hợp giữa cộng đồng làng nghề, doanh nghiệp lữ hành và chính quyền địa phương còn hạn chế, dẫn đến việc tích hợp văn hóa phi vật thể vào sản phẩm du lịch chưa hiệu quả. Thứ ba, khả năng nghiên cứu thị trường, đổi mới thiết kế sản phẩm và ứng dụng công nghệ

của các làng nghề còn yếu, khiến việc xây dựng gói du lịch đặc thù chưa theo kịp xu hướng toàn cầu và thị hiếu ngày càng đa dạng của du khách.

2.3.2.4. *Năng lực cộng đồng và chất lượng dịch vụ*

Nguồn nhân lực du lịch tại các làng nghề hiện nay còn hạn chế cả về số lượng lẫn chất lượng. Phần lớn nghệ nhân có tay nghề thủ công cao, song lại thiếu các kỹ năng cần thiết cho hoạt động du lịch như thuyết minh, giao tiếp ngoại ngữ, marketing hay ứng dụng thương mại điện tử. Điều này khiến họ khó tham gia trực tiếp vào quá trình giới thiệu và quảng bá sản phẩm, dẫn đến việc khai thác giá trị nghề truyền thống cho du lịch chưa đạt hiệu quả như mong đợi.

Nguyên nhân chính bắt nguồn từ việc đào tạo nguồn nhân lực du lịch ở các làng nghề chưa được chú trọng đúng mức. Các chương trình đào tạo hiện tại thường tập trung vào kỹ năng nghề, ít quan tâm đến kỹ năng dịch vụ, truyền thông và quản trị du lịch. Bên cạnh đó, sự hỗ trợ từ các cơ quan quản lý, tổ chức xúc tiến du lịch và doanh nghiệp còn thiếu đồng bộ, chưa hình thành được các khóa bồi dưỡng thường xuyên gắn với thực tiễn hoạt động làng nghề.

Ngoài ra, sự liên kết giữa doanh nghiệp lữ hành và cộng đồng địa phương còn lỏng lẻo, chủ yếu dừng lại ở việc khai thác sản phẩm riêng lẻ mà chưa có mô hình hợp tác bền vững. Điều này khiến việc tổ chức tour khép kín gặp khó khăn, làm giảm khả năng cung cấp trải nghiệm nguyên bản, phong phú và hấp dẫn cho du khách.

2.3.2.5. *Môi trường và cảnh quan*

Tình trạng ô nhiễm môi trường vẫn là một trong những rào cản lớn đối với phát triển du lịch làng nghề đường sông. Nguồn nước, khí thải và chất thải rắn từ hoạt động sản xuất thủ công, đặc biệt tại các làng nghề tái chế, chưa được xử lý triệt để, gây suy giảm nghiêm trọng giá trị cảnh quan và trải nghiệm du lịch. Ven các tuyến sông lớn như sông Hồng, sông Đuống, sông Đáy vẫn tồn tại nhiều nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng, thải ra khói bụi và tiếng ồn, làm ảnh hưởng đến chất lượng không gian du lịch. Bên cạnh đó, quy hoạch không gian bờ sông còn thiếu điểm nhấn như công viên ven sông, điểm dừng nghỉ hay khu vực trình diễn văn hóa, khiến cảnh quan du lịch trở nên đơn điệu, kém hấp dẫn.

Nguyên nhân của thực trạng này chủ yếu xuất phát từ ba yếu tố. Thứ nhất, hệ thống pháp lý và cơ chế giám sát về bảo vệ môi trường ở nhiều địa phương còn thiếu chặt chẽ, dẫn đến tình trạng ô nhiễm kéo dài. Thứ hai, kinh phí đầu tư cho xử lý chất thải và cải tạo cảnh quan ven sông còn hạn chế, trong khi phần lớn các cơ sở sản xuất thủ công truyền thống có quy mô hộ gia đình, thiếu năng lực tài chính để tự đầu tư hệ thống xử lý. Thứ ba, quy hoạch phát triển du lịch đường sông ở cấp vùng chưa gắn kết chặt chẽ với quy

hoạch đô thị, công nghiệp và bảo tồn môi trường, dẫn đến sự chông chéo, manh mún và thiếu đồng bộ trong triển khai.

2.3.2.6. Ứng dụng công nghệ và công tác quảng bá du lịch đường sông

Việc ứng dụng công nghệ số trong phát triển du lịch làng nghề đường sông hiện nay vẫn còn rất hạn chế. Các giải pháp hiện đại như thực tế ảo (AR/VR), bản đồ số du lịch, nền tảng bán hàng trực tuyến hay hệ thống quản lý tour thông minh mới chỉ được triển khai ở mức thử nghiệm, chưa phổ biến rộng rãi. Công tác quảng bá, xúc tiến cũng còn yếu, thiếu chiến lược tổng thể để xây dựng thương hiệu vùng cho du lịch làng nghề đường sông Đồng bằng sông Hồng, do đó các sản phẩm du lịch chưa tạo được dấu ấn rõ rệt trên thị trường quốc tế.

Nguyên nhân của thực trạng này xuất phát từ nhiều yếu tố như: Nhận thức về vai trò của công nghệ số trong phát triển du lịch tại các làng nghề còn hạn chế; nhiều chủ cơ sở vẫn quen với phương thức kinh doanh truyền thống và chưa sẵn sàng đầu tư cho các giải pháp số hóa; Nguồn lực tài chính của các làng nghề và hợp tác xã còn thấp, dẫn đến thiếu khả năng mua sắm thiết bị công nghệ hiện đại và duy trì hệ thống quản lý trực tuyến; Thiếu nhân lực chuyên môn về công nghệ, truyền thông và marketing số khiến việc triển khai các giải pháp AR/VR, thương mại điện tử hay quảng bá trực tuyến còn manh mún, thiếu hiệu quả; Sự phối hợp giữa chính quyền, doanh nghiệp lữ hành và cộng đồng địa phương trong việc xây dựng chiến lược quảng bá vùng vẫn chưa chặt chẽ, dẫn đến việc tạo dựng thương hiệu du lịch vùng chưa đạt kết quả mong muốn.

2.3.2.7. Đánh giá từ phía du khách tham quan làng nghề đường sông:

Theo khảo sát năm 2024 của Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam với 100 du khách tham gia tour tham quan làng nghề đường sông trên tuyến sông Hồng (làng gốm Bát Tràng, làng mây tre Ninh Sở – Hà Nội), kết quả cho thấy:

- 55–60% du khách đánh giá tốt về bảo tồn di sản văn hóa làng nghề (di tích, kiến trúc cổ, nghi lễ, kỹ thuật thủ công, mẫu mã sản phẩm).
- Dưới 50% du khách chưa hài lòng về dịch vụ ẩm thực, nghệ thuật và hoạt động vui chơi giải trí tại điểm đến.
- Đa số cho rằng chi phí dịch vụ tham quan, trải nghiệm làng nghề phù hợp với chương trình.
- Khách đánh giá cao chất lượng tàu thuyền và trang thiết bị an toàn, nhưng lại đánh giá thấp hạ tầng cầu cảng và bến đỗ, cho thấy bất cập giữa phương tiện vận chuyển và cơ sở hạ tầng hỗ trợ.

Bảng: Đánh giá của du khách về sản phẩm, dịch vụ du lịch trên hành trình khám phá du lịch làng nghề thủ công truyền thống trên tuyến sông Hồng - Hà Nội

STT	Nội dung đánh giá	Đơn vị tính	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Hoạt động bảo tồn tập quán tín ngưỡng, lễ hội truyền thống	%	61.3	26.0	12.7
2	Hoạt động bảo tồn di tích, công trình kiến trúc cổ	%	56.7	24.7	18.7
3	Hoạt động bảo tồn quy trình, kỹ thuật chế tác sản phẩm thủ công	%	59.4	20.0	18.7
4	Thiết kế mẫu mã sản phẩm thủ công	%	58.0	21.3	18.6
5	Ấm thực làng nghề truyền thống	%	43.4	43.3	11.3
6	Hoạt động nghệ thuật, vui chơi giải trí	%	42.0	36.0	20.0
7	Hoạt động bảo tồn cảnh quan, môi trường sinh thái, vệ sinh	%	63.3	27.3	7.3
8	Thông tin về làng nghề do hướng dẫn viên, bảng biển chỉ dẫn, trang tin cung cấp	%	58.0	11.3	28.7
9	Cung cấp cơ sở lưu trú du lịch	%	52.7	30.7	14.7
10	Chi phí tham quan, trải nghiệm	%	30.7	52.0	15.4
11	Trang thiết bị đảm bảo an toàn trên hành trình đường sông	%	81.7	13.4	4.9
12	Chất lượng tàu thuyền vận chuyển khách	%	78.0	13.4	12.9
13	Hạ tầng cầu cảng, bến đỗ tàu thuyền du lịch	%	28.1	20.7	51.2

(Nguồn: Báo cáo số liệu khảo sát của Viện VHNTTT&DLVN, năm 2024-2025)

2.4. Giải pháp nâng cao hiệu quả việc phát huy giá trị của làng nghề truyền thống trong phát triển du lịch đường sông vùng đồng bằng sông Hồng

Để khơi thông các “điểm nghẽn”, việc phát huy giá trị của làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch đường sông của Vùng ĐBSH cần một hệ thống giải pháp đồng bộ, trong đó cần tập trung giải quyết các nhóm vấn đề sau:

Giải pháp về cơ chế, chính sách và quy hoạch: Xây dựng quy hoạch phát triển du lịch đường sông cấp vùng, có tính liên kết cao giữa các địa phương để hình thành các tuyến du lịch liên hoàn; Ban hành chính sách ưu đãi cụ thể (vốn, thuế, tín dụng xanh) cho các doanh nghiệp và cộng đồng đầu tư vào du lịch làng nghề đường sông; Hình thành quỹ phát triển du lịch sáng tạo và bảo tồn làng nghề thủ công truyền thống, hỗ trợ cho các dự án khởi nghiệp và ứng dụng công nghệ.

Giải pháp về hạ tầng và sản phẩm du lịch: Đầu tư xây dựng hệ thống bến thuyền du lịch đạt chuẩn, kết hợp với các không gian trưng bày, trình diễn văn hóa làng nghề và đảm bảo an toàn cho du khách tham quan làng nghề; Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, chuyển từ mô hình “tham quan” sang chú trọng “trải nghiệm” văn hoá làng nghề cho du khách; Xây dựng các tour du lịch đường sông chuyên đề như “tour nghệ thuật”, “tour ẩm thực”, “tour giáo dục” gắn với câu chuyện và giá trị cốt lõi của từng làng nghề thủ công truyền thống; Ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số: xây dựng bản đồ số, tour ảo 3D, ứng dụng hướng dẫn viên ảo (audio guide) đa ngôn ngữ, hệ thống vé điện tử và truy xuất nguồn gốc sản phẩm trên hành trình khám phá làng nghề.

Giải pháp về phát triển cộng đồng và nguồn nhân lực: Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng làm du lịch (thuyết minh, ngoại ngữ, marketing số, quản trị homestay) cho cộng đồng địa phương, đặc biệt là các nghệ nhân và thế hệ trẻ; Khuyến khích mô hình hợp tác xã du lịch cộng đồng, tạo cơ chế liên kết chặt chẽ và chia sẻ lợi ích giữa doanh nghiệp – nghệ nhân – người dân.

Giải pháp về quảng bá và xây dựng thương hiệu: Xây dựng thương hiệu chung cho du lịch làng nghề đường sông Vùng ĐBSH (ví dụ: "River Craft Tourism – Red River Delta"); Đẩy mạnh hoạt động quảng bá, xúc tiến trên các nền tảng số và tại các hội chợ du lịch quốc tế, hướng tới các thị trường mục tiêu có mức chi tiêu cao.

Giải pháp về môi trường và cảnh quan: Triển khai quyết liệt các dự án xử lý ô nhiễm tại các làng nghề, xây dựng mô hình “làng nghề xanh – sạch – đẹp”; Quy hoạch và phát triển không gian cảnh quan ven sông một cách hài hòa, bảo tồn yếu tố sinh thái và kiến trúc làng cổ.

3. KẾT LUẬN

Vùng ĐBSH sở hữu một tiềm năng to lớn để phát triển loại hình du lịch làng nghề đường sông, một sản phẩm độc đáo có khả năng cạnh tranh cao. Việc phát huy các giá trị đa dạng từ lịch sử, văn hóa, nghệ thuật đến kinh tế, giáo dục, cảnh quan của các làng nghề truyền thống không chỉ làm phong phú thêm sản phẩm du lịch của vùng mà còn là con đường hiệu quả để bảo tồn di sản và phát triển sinh kế bền vững cho cộng đồng.

Tuy nhiên, để biến tiềm năng thành hiện thực, các làng nghề truyền thống và du lịch đường sông cần phải vượt qua những rào cản mang tính hệ thống về chính sách, hạ tầng, chất lượng sản phẩm và năng lực cộng đồng. Điều này đòi hỏi một tầm nhìn chiến lược, sự phối hợp liên ngành, liên vùng chặt chẽ và sự tham gia chủ động của tất cả các bên liên quan. Việc triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp đề xuất sẽ là chìa khóa để khai thông "dòng chảy di sản", kiến tạo một hệ sinh thái du lịch đường sông bền vững, góp phần khẳng định vị thế và thương hiệu của du lịch Vùng ĐBSH trên bản đồ du lịch Việt Nam và quốc tế./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bramwell, B., & Lane, B. (2011), *Sustainable tourism: An evolving global approach* [Du lịch bền vững: Một cách tiếp cận toàn cầu đang phát triển] Journal of Sustainable Tourism, 19(1), pp.1-5.
2. *Báo cáo số liệu khảo sát của Viện VHNTTT&DLVN*, năm 2024-2025.
3. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), *Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/04/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn*.
4. Dang, T. B., & Jamal, T. (2016), *An integrated approach to "sustainable community-based tourism"* [Một cách tiếp cận tích hợp đối với "du lịch cộng đồng bền vững"]. Sustainability, 8(5), 475.
5. Gourou, P. (1936), *Les Paysans du delta tonkinois: étude de géographie humaine*, Paris: Publications de l'École française d'Extrême-Orient. Bản dịch tiếng Việt Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ, do Nxb Trẻ - Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp - Tạp chí Xưa và Nay -TP.HCM, 2015.
6. Graham, B., Ashworth, G. J., & Tunbridge, J. E. (2000), *A Geography of Heritage: Power, Culture and Economy* [Địa lý của di sản: Quyền lực, văn hóa và kinh tế]. London: Arnold.
7. Phan Gia Bền (chủ biên) (1959), *Lịch sử thủ công nghiệp Việt Nam*, Nxb. Sử học, H.
8. Pierre Bourdieu (1986), *The Forms of Capital*— trong *Handbook for Theory and Research in the Sociology of Education*, biên soạn bởi J. G. Richardson

9. Richards, G. (2018), *Cultural tourism: A review of recent research and trends* [Du lịch văn hóa: Tổng quan các nghiên cứu gần đây và xu hướng phát triển], Journal of Hospitality and Tourism Management, 36, pp.12-21.
10. Throsby, D. (2001), *Economics and Culture* [Kinh tế học và Văn hóa], Cambridge: Cambridge University Press.
11. UNWTO. (2005), *Making Tourism More Sustainable: A Guide for Policy Makers* [Làm cho du lịch trở nên bền vững hơn: Hướng dẫn dành cho các nhà hoạch định chính sách], Madrid: World Tourism Organization.
12. UNWTO. (2012), *The Power of Youth Travel* [Sức mạnh của du lịch dành cho giới trẻ] Madrid: World Tourism Organization.
13. Vũ Trung (2011), *Làng nghề thủ công truyền thống đồng bằng Bắc Bộ*, Nxb Văn hóa dân tộc, H.

PROMOTING THE VALUES OF TRADITIONAL CRAFT VILLAGES IN RIVER-BASED TOURISM DEVELOPMENT IN THE RED RIVER DELTA

Tran Thi Thuy

Abstract: The Red River Delta (RRD) possesses two distinctive resources: a dense system of traditional craft villages and a rich network of rivers. This synergy creates immense potential for developing unique, culturally-rich river-based tourism. However, this potential has not been effectively tapped due to fragmented linkages and the lack of a synchronous strategy. This article, grounded in the theories of heritage economics and sustainable tourism, focuses on analyzing the current situation, identifying "bottlenecks," and proposing solutions to effectively connect the values of craft villages with river-based tourism, thereby contributing to the creation of sustainable socio-economic values for the RRD region.

Keywords: river-based tourism, traditional craft villages, Red River Delta, heritage economics, sustainable tourism.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 20-8-2025; ngày phản biện đánh giá: 06-9-2025; ngày chấp nhận đăng: 30-9-2025)